

Bản án số: 30/2019/HSST
Ngày 03 tháng 6 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông NGUYỄN HOÀNG ĐỨC.

2. Ông VÕ QUANG TRUYỀN.

Thư ký phiên tòa: Bà TRƯỞNG THỊ THẢO QUYÊN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà LÊ THỊ XUÂN LAI - Kiểm sát viên.

Trong hai ngày 31/5/2019 và 03/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Huỳnh Thanh L**, sinh năm 1984 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 03, ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông Huỳnh Thanh Long, sinh năm 1962 và bà Vương Thu Thủy, sinh năm 1966; vợ Đỗ Thị Ngọc Giàu, sinh năm 1984 và 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: Bản án số: 102/2010/HSST ngày 15/9/2010 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh T xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh L 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” (chấp hành xong hình phạt ngày 30/8/2011, đã được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2019 cho đến nay, **có mặt tại phiên tòa.**

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh T (Mập)**, sinh ngày 14/11/1996 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà D18/1, ấp H, xã HT, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Thanh Hoàng, sinh năm 1966 và bà Võ Thị Hồng Thúy, sinh năm 1976; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 18/5/1981 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà C31/7, ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông Nguyễn Văn Hiếu (chết) và bà Phan Thị Phiến (chết); vợ Cao Thị TDiễm, sinh năm 1988 và 01 người con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: **Phan P**, sinh năm 1977 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà C32/7, ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 1/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Văn Liệt, sinh năm 1940 và bà Trần Thị Sinh, sinh năm 1951; vợ Ngô Thị Thu Thúy, sinh năm 1979 và 02 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 213/QĐ-XPVPHC ngày 25/7/2017 của Công an huyện H, tỉnh T xử phạt Phan P số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), phạt bổ sung 200.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức lắc tài xỉu được, thua bằng tiền (đã nộp phạt xong ngày 15/9/2017).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5/ Họ và tên: **Hoàng Thanh H**, sinh ngày 09/9/1965 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà C32/4, ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông Hoàng Văn Đông (chết) và bà Trần Thị Mưa, sinh năm 1940; vợ Lê Thị S, sinh năm 1965 và 03 người con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6/ Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà C32/3, ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Phúc (chết) và bà Phan Lê Thu, sinh năm 1966; chồng Nguyễn Đức T, sinh năm 1982 và 02 người con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7/ Họ và tên: **Bạch Thị Thu T**, sinh ngày 14/8/1984 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà C35/4^B, ấp Hiệp T, xã HT, huyện H,

tỉnh T nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Bạch Văn Thích, sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị Hằng, sinh năm 1959; chồng Hồ Tiến Sỹ, sinh năm 1978 và 01 người con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

8/ Họ và tên: **Đặng Kim G**, sinh ngày 26/4/1974 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 30/6, Khu phố 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; chỗ ở hiện nay: Tạm trú tại ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đặng Văn Liên (chết) và bà Nguyễn Thị Cẩm, sinh năm 1946; chồng Đỗ Minh Phương, sinh năm 1972 và 01 người con sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1965 (vợ của bị cáo H); địa chỉ: Số nhà C32/4, ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T (vắng mặt).

2/ Bà **Ngô Thị Thu Thúy**, sinh năm 1979 (vợ của bị cáo Phúc); địa chỉ: Số nhà C32/7, ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13/10/2018, Huỳnh Thanh L mang theo số tiền 1.800.000 đồng, 01 bộ dụng cụ để lắc tài xỉu đến phần đất trống thuộc ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T làm cái lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền cho Phan P, Hoàng Thanh H, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị H, Bạch Thị Thu T, Đặng Kim G, Nguyễn Thanh T tham gia đặt cược. Theo quy ước, mỗi ván đặt thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng cho mỗi người chơi, đồng thời L thuê Nguyễn Thanh T làm nhiệm vụ cảnh giới với số tiền là 50.000 đồng được trả mỗi khi nhà cái bão. Hình thức đánh bạc là L sử dụng bộ dụng cụ gồm một cái đĩa bên trong có 03 hột xí ngầu, mỗi hột có 06 mặt, trên mỗi mặt có các chấm tròn (nút) thứ tự từ 1 đến 6, một nắp nhựa màu đen dùng để che (đậy) các hột xí ngầu. Sau mỗi lần nhà cái lắc xong thì người tham gia tiến hành đặt cược gồm có bên "tài" và bên "xiu". Khi mở nắp, nếu tổng số nút trên 03 hột xí ngầu nhỏ hơn 10 thì bên "xiu" thắng, còn lớn hơn 10 thì "tài" thắng. Nếu số nút trên 03 hột xí ngầu giống nhau là cái "bão" và tổng số nút lớn hơn 10 thì "bão tài", nhà cái hòa với những người đặt tài, thắng những người đặt xỉu và ngược lại. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang. Thu giữ tại chiều bạc 7.340.000 đồng, 01 đĩa nhỏ, 01 nắp nhựa màu đen và 03 hột xí ngầu.

Thu giữ trên người các bị cáo số tiền 9.069.000 đồng; 01 túi da bên trong có 14 hột xí ngầu.

Qua điều tra xác định được số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cụ thể như sau:

1. Huỳnh Thanh L mang theo số tiền 1.800.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên người 2.160.000 đồng, thắng được 360.000 đồng.

2. Nguyễn Thanh T mang theo số tiền 2.000.000 đồng tham gia đánh bạc và làm cảnh giới cho L trả công được 50.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên người 1.910.000 đồng, thua 140.000 đồng.

3. Hoàng Thanh H mang theo số tiền 250.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt thu trên người 400.000 đồng, thắng được 150.000 đồng.

4. Phan P mang theo số tiền 420.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt thu trên người 320.000 đồng, thua 100.000 đồng.

5. Nguyễn Hữu T mang theo số tiền 2.500.000 đồng, dùng 500.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt thu trên người 2.409.000 đồng, thua 100.000 đồng.

6. Nguyễn Thị H mang theo số tiền 1.350.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt thu trên người 1.190.000 đồng, thua 160.000 đồng.

7. Đặng Kim G mang theo số tiền 700.000 đồng, dùng 60.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt thu trên người 680.000 đồng, thua 20.000 đồng.

8. Bạch Thị Thu T mang theo số tiền 200.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt thua hết 200.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc là 6.580.000 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

- **Kê biên tài sản:** Kê biên của bị cáo Hoàng Thanh H một thửa đất số 476, tờ bản đồ số 49, diện tích 443m² tọa lạc tại ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T do bị cáo H và vợ là bà Lê Thị S đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 22/02/2011, trên đất có căn nhà cấp 4, kích thước 5,4m x 19m.

- **Kê biên của bị cáo Phan P** một thửa đất số 307, tờ bản đồ số 41, diện tích 180,6m² tọa lạc tại ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T do bị cáo Phúc và vợ là bà Ngô Thị Thu đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 15/6/2018, trên đất có căn nhà cấp 4, kích thước 4,4m x 20m.

Các bị cáo khác không có tài sản nên không kê biên.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số: 27/CT-VKSND-HT ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo Huỳnh Thanh L, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu T, Phan P, Hoàng Thanh H, Nguyễn Thị H, Bạch Thị Thu T, Đặng Kim G về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thanh L, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu T, Phan P, Hoàng Thanh H, Nguyễn Thị H, Bạch Thị Thu T, Đặng Kim G phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; **Điều 38**; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh L mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; **Điều 38**; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; **Điều 36**; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phan P từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Thanh H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Bạch Thị Thu T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Kim G từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

** Lời nói sau cùng của các bị cáo:*

- Bị cáo L: Bị cáo đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo T: Vì không hiểu biết pháp luật nên phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo T: Do bị bệnh nặng nên xin được hưởng án tại ngoại để có điều kiện trị bệnh.

- Bị cáo Hường: Xin được tại ngoại để nuôi con nhỏ.

- Bị cáo Phúc, T, G: Xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo H: Không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được, cũng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có cơ sở xác định:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13/10/2018, Huỳnh Thanh L đánh bạc bằng hình thức làm cái lắc tài xỉu cho Phan P, Hoàng Thanh H, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị H, Bạch Thị Thu T, Đặng Kim G tham gia đặt cược thắng thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.580.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Thanh T còn được L trả 50.000 đồng tiền công cảnh giới.

[3] Vụ án mang T chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng. Các bị cáo biết rõ đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thắng thua bằng tiền đều bị Nhà nước nghiêm cấm, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, nhưng do hám lợi, bất chấp pháp luật các bị cáo mang theo số tiền 6.580.000 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) dùng vào việc đánh bạc, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo là đúng pháp luật.

Bị cáo Huỳnh Thanh L đem theo số tiền 1.800.000 đồng làm cái lắc tài xỉu để các bị cáo khác tham gia đánh bạc, ngoài ra sau khi bị khởi tố trong thời gian chờ xét xử, ngày 24/4/2019 bị cáo L đã tham gia đánh bạc tại ấp H, xã HT, huyện H, tỉnh T bị Công an huyện H bắt quả tang lập biên bản, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, về nhân thân bị cáo có một tiền án đã được xóa án tích.

Bị cáo Nguyễn Thanh T đem theo số tiền 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc, ngoài ra còn làm cảnh giới sòng bạc cho bị cáo L được trả tiền công 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng), nên mức án nhẹ hơn mức án của bị cáo L nhưng nặng hơn các bị cáo khác.

Do đó, cần cách ly bị cáo L và bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, trừng trị, nhằm giáo dục ý thức pháp luật để sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Hữu T, Phan P, Hoàng Thanh H, Bạch Thị Thu T, Đặng Kim G không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà giao cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng bảo đảm T răn đe, giáo dục

và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cần xem xét số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc, về nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng. Đối với bị cáo Huỳnh đem theo số tiền 1.350.000 đồng dùng để đánh bạc, nên mức án nặng hơn các bị cáo còn lại; bị cáo Phúc đem theo 420.000 đồng để đánh bạc nhưng có nhân thân xấu, bị cáo T dùng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc nên hai bị cáo chịu mức án bằng nhau; bị cáo H đem theo số tiền 250.000 đồng, bị cáo T đem theo số tiền 200.000 đồng để đánh bạc nhưng có nhân thân tốt, nên bị cáo T chịu mức án nhẹ hơn bị cáo H; bị cáo G dùng số tiền 60.000 đồng để đánh bạc, nên chịu mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo T, T, Phúc, H, T, Huỳnh, G phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo L tuy chưa ăn năn hối cải nhưng có thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có cha là thương binh, người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có. Riêng đối với bị cáo L tuy không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bản thân bị cáo đã có một tiền án về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (đã xóa án tích) và có ý thức xem thường pháp luật; bị cáo Phúc có một tiền sự về hành vi lặc tài xiu (đã được xóa), nên cũng cần xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo L, Phúc.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 7.340.000 đồng thu trên chiếu bạc; số tiền thu trên người của các bị cáo: L 2.160.000 đồng, T 1.910.000 đồng, H 400.000 đồng, Phúc 320.000 đồng, T 2.409.000 đồng, Huỳnh 1.190.000 đồng, G 680.000 đồng, **tổng cộng: 16.409.000 đồng** (hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T đang tạm giữ), tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, bị cáo T khai số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo G khai số tiền 640.000 đồng thu giữ trên người của các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc là có cơ sở chấp nhận nên trả lại cho cho bị cáo T và bị cáo G; còn lại 13.769.000 đồng của các bị cáo là số tiền dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 đĩa tròn bằng xur màu trắng; 01 nắp nhựa màu đen; 17 hột xí ngầu; 01 túi da màu trắng là bộ dụng cụ để lặc tài xiu sử dụng trong việc phạm tội nên tịch thu và tiêu hủy.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo L, T, T.

Phạt bổ sung các bị cáo T, Phúc, H, Huỳnh, G mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

[5] Lệnh kê biên tài sản số: 01/L, số: 02/L cùng ngày 19/02/2019 của Công an huyện H, tỉnh T đối với bị cáo Phan P và bị cáo Hoàng Thanh H vẫn còn hiệu lực cho đến khi các bị cáo thi hành xong các khoản pH thi hành án để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thanh L, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu T, Phan P, Hoàng Thanh H, Nguyễn Thị H, Bạch Thị Thu T, Đặng Kim G phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh L 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được T từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T (Mập) 06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được T từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T 15 (mười lăm)** tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo **Phan P 15 (mười lăm)** tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Thanh H 12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H 18 (mười tám)** tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Kim G 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ.

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Bạch Thị Thu T 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành cải tạo không giam giữ của các bị cáo T, Phúc, H, Hường, T, G T từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phan P, Hoàng Thanh H, Nguyễn Thị H, Bạch Thị Thu T, Đặng Kim G cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện H, tỉnh T để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

1.5 Áp dụng khoản 3, Điều 321 của Bộ luật Hình sự:

Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phan P, Hoàng Thanh H, Nguyễn Thị H, Đặng Kim G mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Huỳnh Thanh L, Nguyễn Thanh T, Bạch Thị Thu T.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1 Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền **13.769.000 đồng** (mười ba triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng), trong đó 7.340.000 đồng thu trên chiếu bạc và số tiền dùng để đánh bạc thu trên người của các bị cáo: L 2.160.000 đồng, T 1.910.000 đồng, H 400.000 đồng, Phúc 320.000 đồng, T 409.000 đồng, Hoàng 1.190.000 đồng, G 40.000 đồng (hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T đang tạm giữ).

2.2 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); bị cáo Đặng Kim G 640.000 đồng (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.3 Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) đĩa tròn đường kính 09cm, màu trắng;
- 01 (một) nắp tròn bằng nhựa đường kính 06cm, cao 4,5cm, màu đen;
- 17 (mười bảy) hột xí ngầu;
- 01 (một) túi da màu trắng.

2.4 Lệnh kê biên tài sản số: 01/L ngày 19/02/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với phần đất diện tích 180,6m², thửa đất số 307, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho Phan P và bà Ngô Thị Thu T ngày 15/6/2018, trên đất có căn nhà cấp 4, kích thước 4,4m x 20m vẫn còn hiệu lực cho đến khi bị cáo Phúc thi hành xong các khoản pH thi hành án.

2.5 Lệnh kê biên tài sản số: 02/L ngày 19/02/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với phần đất diện tích 443m², thửa đất số 476, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại ấp Hiệp T, xã HT, huyện H, tỉnh T do UBND huyện H cấp cho Hoàng Thanh H và bà Lê Thị S ngày 22/02/2011, trên đất có căn nhà cấp 4, kích thước 5,4m x 19m vẫn còn hiệu lực cho đến khi bị cáo H thi hành xong các khoản pH thi hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Huỳnh Thanh L, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu T, Phan P, Hoàng Thanh H, Nguyễn Thị H, Bạch Thị Thu T, Đặng Kim G mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Lê Thị S và bà Ngô Thị Thu Tvắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- CC.THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- **UBND xã HT;**
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án-(D).